

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2023-2024
MÔN: TOÁN – LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm)

Câu 1. Cho tập hợp A gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 6. Trong các cách viết sau, cách viết nào đúng?

A. $A = \{1; 2; 3; 4; 5\}$.

B. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$.

C. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6\}$.

D. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$.

Câu 2. Số 13 trong hệ La Mã viết là:

A. IX

B. X

C. XIII

D. XIX

Câu 3. Cho $H = \{x \in \mathbb{N} \mid 20 < x \leq 23\}$. Chọn câu trả lời **SAI** ?

A. $20 \notin H$

B. $21 \in H$

C. $22 \notin H$

D. $23 \in H$

Câu 4. Thứ tự thực hiện đúng các phép tính đối với biểu thức có ngoặc là:

A. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$.

B. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$.

C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$.

D. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$.

Câu 5. Cho các số 123; 541; 677; 440. Số chia hết cho 2 là

A. 123.

B. 541.

C. 677

D. 440

Câu 6. Tìm tập hợp B(4) ?

A. $\{1; 2; 4\}$

B. $\{1; 4; 8; 12; 16; 20; \dots\}$

C. $\{0; 4; 8; 12; 16; 20\}$

D. $\{0; 4; 8; 12; 14; 20; \dots\}$

Câu 7. Số nguyên tố là

A. số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.

B. số tự nhiên lớn hơn 1, có hai ước.

C. số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.

D. số tự nhiên lớn hơn 1, có một ước.

Câu 8. Số chia hết cho 2 thì

A. số đó có chữ số tận cùng là: 0; 2; 4; 6

B. số đó có chữ số tận cùng là: 0; 2; 4; 6; 8

C. số đó có tổng các chữ số chia hết cho 2

D. số đó có chữ số tận cùng khác 0; 2; 4; 6; 8

Câu 9. Chọn hình ảnh xuất hiện tam giác đều:



(1)



(2)



(3)



(4)

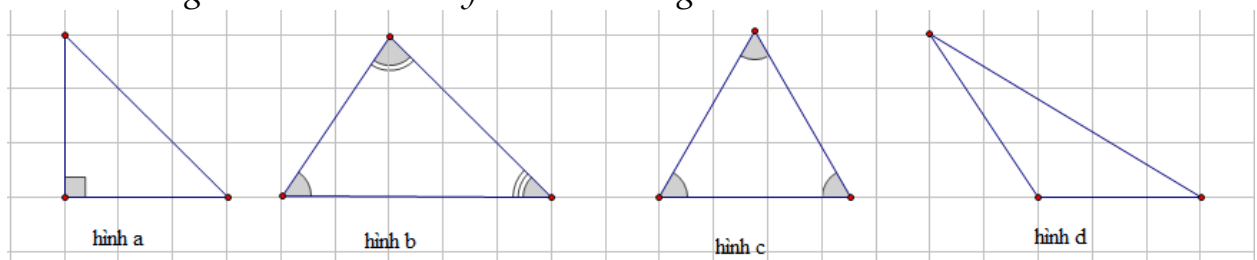
A. Hình (1).

B. Hình (2).

C. Hình (3).

D. Hình (4).

Câu 10. Trong các hình dưới đây hình vẽ tam giác đều là:



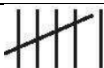
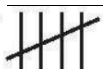
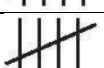
A. Hình a.

B. Hình b.

C. Hình c.

D. Hình d.

Câu 11: Bảng điều tra về số khách hàng ăn các loại kem yêu thích của một tiệm A trong buổi sáng chủ nhật được ghi dưới đây. . Em hãy thống kê số bạn ưa thích và trả lời câu hỏi bên dưới:

Loại kem	Kiểm đếm	Số lượng khách
Dâu		
Sầu riêng	  	
Socola	 	
Va ni		

Có bao nhiêu khách hàng ăn kem sầu riêng?

- A. 6 B. 4 C. 12 D. 8

Câu 12: Điểm Toán của tổ 1 lớp 6A được cho bởi bảng sau:

Điểm	9	8	7	6	5	4
Số học sinh đạt	6	4	7	3	2	6

Bao nhiêu học sinh đạt điểm 6?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm): Thực hiện phép tính:

a) $2^3 \cdot 7 + [86 - (23 - 17)^2]$ b) $200 + (-150) + 70 + (-50)$

Câu 2 (0,5 điểm) Tìm BCNN(72, 108)

Câu 1 (1,0 điểm): Lan có một tấm bìa hình chữ nhật có kích thước 100 cm và 60 cm. Lan muốn cắt tấm bìa này thành các mảnh nhỏ hình vuông bằng nhau sao cho tấm bìa được cắt hết (không dư).

- a) Tính độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông?
b) Khi đó Lan cắt được bao nhiêu hình vuông?

Câu 4 (1,0 điểm): Bạn Bình mỗi ngày tiết kiệm được 4000 đồng để mua một cuốn sách bạn yêu thích. Sau ba tuần bạn Bình mua được cuốn sách trên và dư 2000 đồng. Hỏi cuốn sách bạn Bình mua có giá bao nhiêu?

Câu 5 (0,5 điểm): Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh tổ 3 lớp 6A sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường

Đi bộ	
Xe đạp	
Xe máy (ba mẹ chở)	



(Mỗi  ứng với 1 học sinh)

a) Có bao nhiêu học sinh đến trường bằng xe đạp?

b) Tổ 3 lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

Câu 6: (1,0 điểm) Rosalind Elsie Franklin ($\overline{abcd}$ - 1958) là nhà lí sinh học và tinh thể học tia X. Bà đã có những đóng góp quan trọng cho sự hiểu biết về cấu trúc phân tử của DNA, RNA, virus, than đá, than chì. Tìm năm sinh của bà, biết :

a không là số nguyên tố cũng không là hợp số.

b là hợp số lớn nhất có một chữ số.

$\overline{abcd}$ chia hết cho 2; 3; 5 và $c < 5$.

Câu 7: (2 điểm) Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho OA = 4cm, OB = 8cm

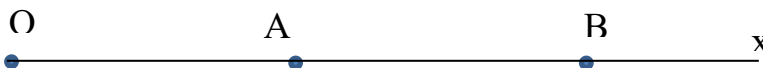
a) Tính độ dài đoạn thẳng AB?

b) A có là trung điểm của OB không? Vì sao?

c) Vẽ hình vuông ABCD

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2023-2024
MÔN: TOÁN – LỚP 6

Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN 1 TRẮC NGHIỆM	Câu 1: B. Câu 2: C. Câu 3: C. Câu 4: A. Câu 5: D. Câu 6: C. Câu 7: A. Câu 8: B. Câu 9: A. Câu 10: C. Câu 11: C. Câu 12: C.	Mỗi câu: 0,25
PHẦN 2 TỰ LUẬN		
Câu 1a	$2^3 \cdot 7 + [86 - (23 - 17)^2]$ $= 8 \cdot 7 + [86 - 6^2]$ $= 56 + [86 - 36]$ $= 56 + 50$ $= 106$	0,25 0,25
Câu 1b	$200 + (-150) + 70 + (-50)$ $= (200 + 70) + ((-150) + (-50))$ $= 270 + (-200)$ $= 70$	0,25 0,25
Câu 2	$72 = 2^3 \cdot 3^2$ $108 = 2^2 \cdot 3^3$ $\text{BCNN}(72, 108) = 2^3 \cdot 3^3 = 216$	0,25 0,25
Câu 3	a) Theo đề bài độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông là ƯCLN(100, 60) $100 = 2^2 \cdot 5^2$ $60 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5$ $\text{ƯCLN}(100, 60) = 2^2 \cdot 5 = 20$	0,25

	Vậy độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông là 20cm. b) Khi đó Lan cắt được số hình vuông là: $(100 : 60) : (20 : 20) = 15$ (hình vuông)	0,25 0,5
Câu 4	3 tuần = 3.7 ngày = 21 ngày Số tiền bạn Bình tiết kiệm được là: $4000.21 = 84000$ (đồng) Giá tiền quyển sách bạn Bình mua là: $84000 - 2000 = 82000$ (đồng)	0,25 0,25 0,5
Câu 5	a) Có 2 học sinh đến trường bằng xe đạp b) Tổ 3 lớp 6A có tất cả: 14 học sinh	0,25 0,25
Câu 6	- a không là số nguyên tố cũng không là hợp số và a là chữ số hàng nghìn của số tự nhiên có bốn chữ số nên $a = 1$ - b là hợp số lớn nhất có một chữ số nên $b = 9$ $\overline{abcd}$ chia hết cho 2;5 nên $d = 0$ $\overline{19c0} : 3 \Rightarrow (1+9+c+0) : 3 \Rightarrow (10+c) : 3$ Mà $c < 5$ nên $c = 2$ Suy ra $\overline{abcd} = 1920$ Vậy năm sinh của bà Rosalind Elsie Franklin là năm 1920.	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 7	 $AB = OB - OA$ $AB = 8 - 4$ $AB = 4$ cm A là trung điểm của đoạn OB Vì : $OA = OB = AB : 2 = 4$(cm) Vẽ đúng hình vuông ABCD	0,25 0,25 0,25 0,25

----- HẾT -----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

LÝ THÁNH TÔNG

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: TOÁN – LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Phần 1. Trắc nghiệm . (3,0 điểm)

Câu 1. Cho tập hợp M gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 7, trong các cách viết sau đây, cách viết nào là đúng?

A. $M = \{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$

C. $M = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6\}$

B. $M = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$

D. $M = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$

Câu 2. Số tự nhiên nhỏ nhất và lớn nhất có 4 chữ số khác nhau là:

A. 1234 và 9876

C. 1023 và 9876

B. 1000 và 9999

D. 1234 và 9999

Câu 3. Hợp số là:

A. Số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.

B. Số tự nhiên lớn hơn 1, có 2 ước.

C. Số tự nhiên lớn hơn 1, có 1 ước.

D. Số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn 2 ước.

Câu 4. Trong các số tự nhiên sau, số nào là số nguyên tố?

A. 10

B. 22

C. 15

D. 23

Câu 5. Lớp 6A, 6B, 6C, 6D lần lượt có 35, 36, 37, 38 học sinh. Lớp nào có thể chia tất cả các bạn thành đôi bạn học tập?

A. 6A và 6B

C. 6B và 6C

B. 6B và 6D

D. 6C và 6D

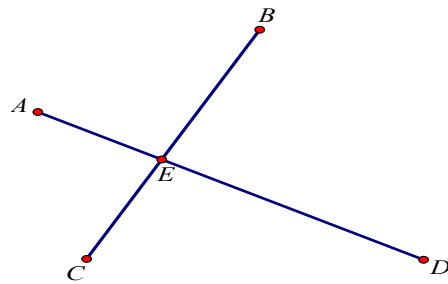
Câu 6. Quan sát biểu đồ sau và cho biết số học sinh yêu thích quả chuối nhiều hơn số học sinh yêu thích quả táo là bao nhiêu?



- A. 10 C. 20
B. 15 D. 25

Câu 7. Các bộ ba điểm thẳng hàng trong hình vẽ sau là:

- A. A, E, D và B, E, C
B. A, B, D và C, E, B
C. A, C, D và A, E, D
D. A, E, D và C, A, B

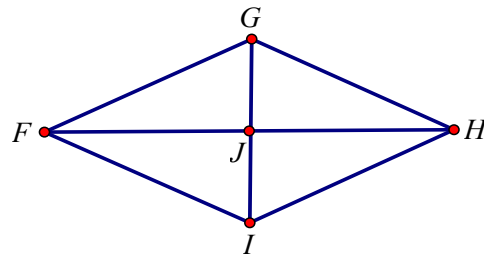


Câu 8. Góc có số đo lớn hơn 90° và nhỏ hơn 180° là góc:

- A. Góc bẹt B. Góc vuông C. Góc tù D. Góc nhọn

Câu 9. Cho hình thoi như hình bên, khẳng định đúng là:

- A. $GI = FH$
B. $FG = GI$
C. $FI = IH$
D. $FJ = JG$



Câu 10. Bảng dữ liệu cho biết điểm kiểm tra môn Toán của 10 bạn trong tổ 1 của học sinh lớp 6A. Có bao nhiêu bạn đạt điểm 10?

5	6	8	7	10
7	9	9	10	7

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 11. Cho tam giác đều ABC, khẳng định nào sau đây là đúng?

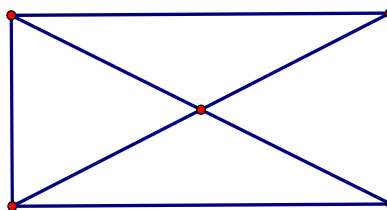
- A. $AB > AC > BC$ C. $AB = AC < BC$

B. $AB = AC = BC$

D. $AB = AC > BC$

Câu 12. Trong hình chữ nhật:

- A. Hai đường chéo bằng nhau
- B. Hai đường chéo song song
- C. Hai cạnh kề bằng nhau
- D. Hai cạnh kề song song



Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính

a) $(-15) \cdot 38 + 38 \cdot (-85)$

b) $10 - [30 - (5 + 1)^2]$

Câu 2. (0,5 điểm) Tìm ƯCLN(48, 90)

Câu 3. (1,0 điểm) Số học sinh của trường THCS Lý Thánh Tông khi xếp hàng 8, xếp hàng 12, xếp hàng 14 để tập thể dục giữa giờ thì đều vừa đủ. Biết số học sinh của trường trong khoảng từ 1 100 đến 1 200 em. Tính số học sinh của trường THCS Lý Thánh Tông.

Câu 4. (1,0 điểm) Công ty Thành Đạt có lợi nhuận ở mỗi tháng trong quý III là 20 triệu đồng. Trong quý IV, lợi nhuận mỗi tháng của công ty này là -10 triệu đồng. Trong 6 tháng cuối năm, lợi nhuận của công ty Thành Đạt là bao nhiêu tiền?

Câu 5. (0,5 điểm) Tìm x biết $2 \cdot 3^{2x} = 18$

Câu 6. (1,0 điểm) Xếp loại học lực ba tổ của lớp 6A được thống kê như sau (đơn vị: người):

Tổ	Giỏi	Khá	Trung bình
1	3	8	1
2	2	9	1
3	4	7	1

a) Mỗi tổ có bao nhiêu bạn .

b) Lớp trưởng thông báo rằng số bạn đạt loại khá của cả lớp nhiều hơn số bạn đạt loại giỏi và trung bình của cả lớp là 12 bạn. Lớp trưởng thông báo đúng hay sai?

Câu 7. (2,0 điểm) Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 6\text{cm}$, $AD = 4\text{cm}$

- a) Kể tên các đường chéo, các cặp cạnh song song trong hình chữ nhật?
- b) Vẽ tia Ax cắt cạnh DC tại điểm N sao cho N là trung điểm của DC. Tính NC

-----Hết-----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
LÝ THÁNH TÔNG

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: TOÁN - LỚP 6

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	D	D	B	D	A	C	C	B	B	A

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1 (1,0 điểm)	a) $(-15) \cdot 38 + 38 \cdot (-85)$ $= 38 \cdot (-15 - 85)$ $= 38 \cdot (-100)$ $= -3800$	0,25 0,25
	a) $10 - [30 - (5 + 1)^2]$ $= 10 - [30 - 6^2]$ $= 10 - [30 - 36]$ $= 10 - (-6)$ $= 16$	0,25 0,25
2 (0,5 điểm)	$48 = 2^4 \cdot 3$ $90 = 2 \cdot 3^2 \cdot 5$ $\text{UCLN}(48, 90) = 2 \cdot 3 = 6$	0,25 0,25
	Số học sinh của trường THCS Lý Thánh Tông là bội chung của 8, 12 và 14 $8 = 2^3$ $12 = 2^2 \cdot 3$ $14 = 2 \cdot 7$ $\text{BCNN}(8, 12, 14) = 2^3 \cdot 3 \cdot 7 = 168$	0,25 0,25 0,25

	$BC(8,12,14) = B(168) = \{0, 168, 336, 504, 672, 840, 1008, 1176, 1264, \dots\}$ Vì số học sinh của trường nằm trong khoảng từ 1 100 đến 1 200 em nên trường THCS Lý Thánh Tông có 1176 học sinh.	0,25
4 (1,0 điểm)	Trong quý III, công ty Thành Đạt có lợi nhuận là: $3 \cdot 20 = 60$ triệu đồng Trong quý IV, công ty Thành Đạt có lợi nhuận là: $3 \cdot (-10) = -30$ triệu đồng Trong 6 tháng cuối năm, lợi nhuận của công ty Thành Đạt là: $60 + (-30) = 30$ triệu đồng	0,25 0,25x2
5 (0,5 điểm)	$2 \cdot 3^{2x} = 18$ $3^{2x} = 18 : 2$ $3^{2x} = 9$ $3^{2x} = 3^2$ $2x = 2$ $x = 2 : 2$ $x = 1$	0,25 0,25
6 (1,0 điểm)	a) Mỗi tổ có 12 bạn b) Tổng số bạn đạt loại khá của cả lớp là: $8 + 9 + 7 = 24$ (bạn) Tổng số bạn đạt loại giỏi và trung bình của cả lớp là: $(3 + 2 + 4) + (1 + 1 + 1) = 12$ bạn Số bạn đạt loại khá của cả lớp nhiều hơn số bạn đạt loại giỏi và trung bình của cả lớp là: $24 - 12 = 12$ bạn Vậy bạn lớp trưởng nói đúng.	0,25 0,25 0,25

7 (2,0 điểm)	a) Các đường chéo: AC, BD Các cặp cạnh song song: AB song song với DC AD song song với BC b) Vẽ đúng tia Ax Vẽ đúng N là trung điểm CD Tính đúng $NC = 3\text{cm}$	0,25x2 0,25 0,25 0,25 0,25 0,5
-------------------------	--	--

(Nếu học sinh có cách giải khác, giám khảo vận dụng thang điểm trên để chấm)

ĐỀ THAM KHẢO

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Học sinh khoanh vào câu trả lời đúng

Câu 1: Thứ tự thực hiện đúng các phép tính đối với biểu thức có ngoặc là:

A. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$.

B. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$.

C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$.

D. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$.

Câu 2 : Số chia hết 2, 3, 5, 9 là:

A. 1340

B. 1450

C. 1345

D. 1350

Câu 3: Cho hình vẽ:



Độ dài đoạn thẳng AB bằng bao nhiêu?

A. 9 mm.

B. 9 cm.

C. 9 m.

D. 9 km.

Câu 4: Cho hình vẽ:

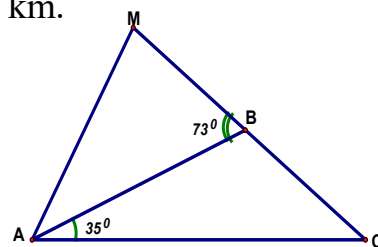
Quan sát hình vẽ, góc có số đo 35° là góc nào sau đây?

A. $\widehat{BAC}$

B. $\widehat{MAB}$

C. $\widehat{ABC}$

D. $\widehat{MBA}$



Câu 5: Cho bảng số liệu về số học sinh vắng trong ngày của các lớp của trường A như sau:

6A1	6A2	7A1	7A2	8A1	8A2	9A1	9A2
1	2	3	0	K	1	100	0

Tại các lớp nào thì số liệu không hợp lí?

A. 6A1, 8A2. B. 7A2, 9A2. C. 6A2, 7A1. D. 8A1, 9A1.

Câu 6: Biểu đồ tranh dưới đây cho ta thông tin về loại quả yêu thích nhất của các bạn học sinh khối 6.

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Táo	
Chuối	
Dưa hấu	
Cam	
Bưởi	

( = 10 học sinh;  = 5 học sinh)

Có bao nhiêu bạn học sinh thích quả táo?

A. 15. B. 20. C. 25. D. 30.

Câu 7: BCNN(9,10,11) là

A. 90. B. 99. C. 110. D. 990.

Câu 8: Kết quả của phép tính $(-11) + (-9)$ là:

A. 20 B. -20 C. 2 D. -2

Câu 9: Số nào sau đây là số nguyên âm?

A. +51 B. -71 C. 81 D. +91

Câu 10: Đoạn thẳng $AB = 5$ cm. Điểm M nằm giữa A và B sao cho $AM = 3$ cm.

Đoạn MB =? cm

A. $MB = 3$ cm C. $MB = 2$ cm
B. $MB = 5$ cm D. $AM = MB = 5 : 2 = 2,5$ cm

Câu 11 : $200 : x ; 118 : x ; 86 : x$

A. x là bội chung của 200 ; 118 và 86. C. x là BCNN của 200; 118 và 86.
B. x là ước chung của 200; 118 và 86. D. x là UCLN của 200; 118 và 86.

Câu 12. Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào có tâm đối xứng?



110a – Cấm xe đạp



102 – Cấm đi ngược chiều



112 – Cấm đi bộ



123 – Cấm rẽ trái

A. Biển 110a.

B. Biển 102.

C. Biển 112.

D. Biển 123.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1: Thực hiện phép tính (2,0 điểm)

a) $-115 - (-15 + 30)$

b) $2^4 \cdot 5 - [130 - (12 - 2^2)^2]$

Câu 2: (1,5 điểm)

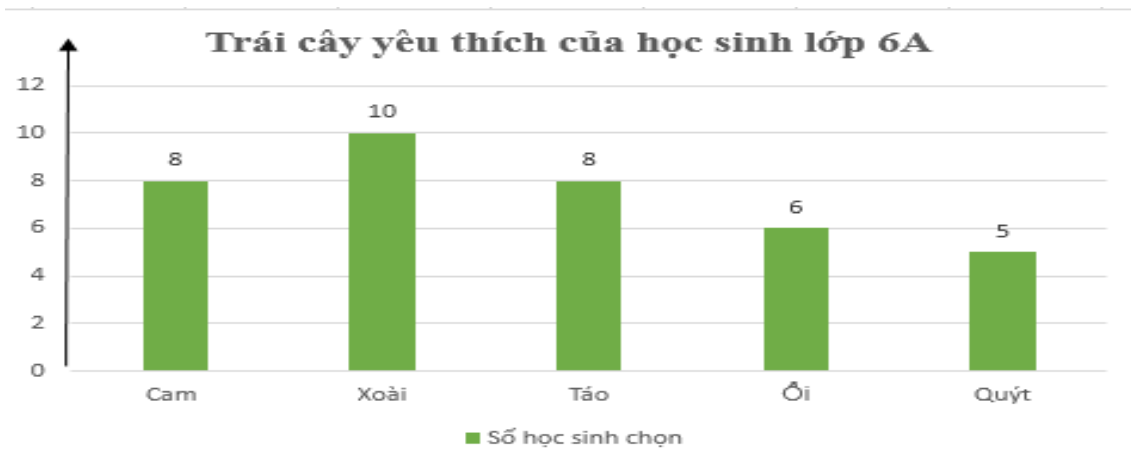
a/ Tìm UCLN(120; 400) và BCNN(120; 400)?

b/ BCNN(120; 400) gấp UCLN(120; 400) bao nhiêu lần?

Câu 3: (0,75 điểm) Năm 2022, một đội nghi thức của một trường THCS có khoảng 100 đến 200 đội viên đã tham hội thi “Nghi thức Đội cấp Thành phố”. Khi tham gia biểu diễn, đội xếp đội hình 10 hàng, 15 hàng, 18 hàng đều vừa đủ. Hỏi đội nghi thức của một trường THCS đó có bao nhiêu đội viên?

Câu 4: (0.5 điểm) Một chiếc máy bay đang bay ở độ cao 7 km so với mực nước biển. Cùng lúc đó, một tàu ngầm lặn ở độ sâu -1300m so với mực nước biển. Tính khoảng cách giữa máy bay và tàu ngầm tại thời điểm đó.

Câu 5: (0.75 điểm) Biểu đồ cột dưới đây cho biết thông tin về các loại trái cây yêu thích của các bạn học sinh lớp 6A.



Em hãy cho biết:

- Có bao nhiêu bạn thích ăn Cam?
- Có bao nhiêu bạn thích ăn Ổi?
- Loại trái cây nào đa số được các bạn chọn?

Câu 6: (1,0 điểm)

- Hãy vẽ hình chữ nhật MNPQ có cạnh $MN = 8 \text{ cm}$, $NP = 4 \text{ cm}$. Kể tên các đường chéo của hình chữ nhật MNPQ đó .
- Tính diện tích và chu vi của hình chữ nhật MNPQ trên .

Câu 7: (1.0 điểm) Tính nhanh (Học sinh thể hiện phép tính nhanh, không sử dụng máy tính để cho kết quả)

$$A = 9 + 99 + 999 + 9999 + 99999$$

Câu 8: (1.0 điểm) Trên tia Ox lấy hai điểm A, B sao cho $OA = 4 \text{ cm}$, $OB = 8 \text{ cm}$.

- Tính độ dài đoạn thẳng AB .
- Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không? vì sao?

-HẾT-

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023 – 2024

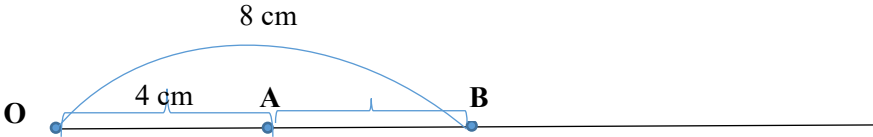
MÔN TOÁN 6

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1-D	2-D	3-B	4-A	5-D	6-C
7-D	8-B	9-B	10-C	11-B	12-B

CÂU HỎI	NỘI DUNG ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 1	a) $-115 - (-15 + 30)$ $= -115 - 15$ $= -130$	0.25 0.25
	b) $2^4 \cdot 5 - [130 - (12 - 2^2)^2]$ $= 16 \cdot 5 - [130 - 8^2]$ $= 80 - 70$ $= 10$	0.25; 0.25 0.25 0.25
Câu 2	a/ Tìm UCLN(120; 400) và BCNN(120; 400)? Tìm UCLN(120; 400) Ta có: $120 = 2^3 \cdot 3 \cdot 5$; $400 = 2^4 \cdot 5^2$ UCLN(120; 400)=40 BCNN(120; 400)=1200	0.25; 0.25 0.25 0.25
	b/ UCLN(120; 400) gấp BCNN(120; 400) số lần là: $1200 : 40$ $= 30$ lần	0.25; 0,25
Câu 3	Gọi x là số đội viên của đội nghi thức: $(100 < x < 200)$	0.25
	Ta có: $x : 10; x : 15; x : 18$	
	Nên x là BC(10; 15; 18)	0.25
	Mà BCNN(10;15;18) = 90	
	$B(90) = \{0; 90; 180; 270; \dots\}$	
	Vì $100 < x < 200$ nên $x = 180$	0.25
	Vậy số đội viên của đội nghi thức là 180 em	0.25
Câu 4	Đổi 7km = 7 000 m	
	Độ sâu – 1300m so với mực nước biển nghĩa là cách mực nước biển +1300 m	0.25

	Khoảng cách giữa máy bay và tàu ngầm tại thời điểm đó là: $7000 + 1300 = 2\,000$ (m)	0.25												
Câu 5	Trái cây yêu thích của học sinh lớp 6A <table><thead><tr><th>Loại trái cây</th><th>Số học sinh chọn</th></tr></thead><tbody><tr><td>Cam</td><td>8</td></tr><tr><td>Xoài</td><td>10</td></tr><tr><td>Táo</td><td>8</td></tr><tr><td>Ổi</td><td>6</td></tr><tr><td>Quýt</td><td>5</td></tr></tbody></table>	Loại trái cây	Số học sinh chọn	Cam	8	Xoài	10	Táo	8	Ổi	6	Quýt	5	
Loại trái cây	Số học sinh chọn													
Cam	8													
Xoài	10													
Táo	8													
Ổi	6													
Quýt	5													
	a) Có bao nhiêu bạn thích ăn Cam? Có 8 bạn thích ăn cam b) Có bao nhiêu bạn thích ăn Ổi? Có 6 bạn thích ăn ổi. c) Loại trái cây nào đa số được các bạn chọn? Loại trái cây đa số được các bạn chọn là trái xoài	0.25 0.25 0.25												
Câu 6	Hãy vẽ hình chữ nhật MNPQ có cạnh $MN = 8$ cm, $NP = 4$ cm. Kể tên các đường chéo của hình chữ nhật MNPQ đó . Các đường chéo của hcn MNPQ là: MP; NQ b) Tính diện tích và chu vi của hình chữ nhật MNPQ trên . Chu vi của hcn MNPQ là: $(8 + 4):2=6$ cm Diện tích hình chữ nhật MNPQ là:$8. 4 = 32$ cm	Hình 0.25 0.25 0.25 0.25												
Câu 7	$A = 9 + 99 + 999 + 9999 + 99999$ $= (10 - 1) + (100 - 1) + (1000 - 1) + (10\,000 - 1) + (100\,000 - 1)$ $= 111\,105$ $= 111\,05$	0.5 0.25 0.25												
Câu 8	Câu 8: (1.0 điểm) Trên tia Ox lấy hai điểm A, B sao cho $OA = 4$ cm, $OB = 8$ cm. a) Tính độ dài đoạn thẳng AB.													

	 Tính được $AB = OB - OA$ $AB = 4\text{cm}$	0.25
	b) Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không? vì sao? Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB Vì: A nằm giữa O và B. $OA = AB = 4\text{cm}$	0.25
		0.25

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN DANH NINH

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2023-2024
MÔN: TOÁN - LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm)

Câu 1: Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} / 2 \leq x < 5\}$ Khẳng định nào sau đây đúng ?

- A. $2 \in A$ B. $5 \in A$ C. $3 \notin A$ D. $0 \in A$

Câu 2: Cho các số tự nhiên: 350;667;338;705. Số chia hết cho số 2 và 5 là:

- A. 350 B. 667 C. 338 D. 705

Câu 3: Cho $B = \{x \in \mathbb{B}(6) / 12 \leq x \leq 30\}$.

Hãy viết tập hợp B dưới dạng liệt kê phần tử :

- A. $B = \{0; 6; 12; 18; 24; \dots\}$ B. $B = \{0; 6; 12; 18; 24; 30; \dots\}$
C. $B = \{12; 18; 24; 30; \dots\}$ D. $B = \{6; 12; 18; 24; 30\}$

Câu 4: Tập hợp các số nguyên được ký hiệu là:

- A. $\mathbb{N}$ B. $\mathbb{Q}$ C. $\mathbb{Z}$ D. $\mathbb{R}$

Câu 5: Khẳng định nào sau đây đúng ?

- A. $5 < -12$ B. $-20 < -18$ C. $-2 > -1$ D. $-3 > 0$

Câu 6: Nhiệt độ tháng giêng tại bốn địa điểm: TP HCM, Sydney, Vostok, và Ottawa

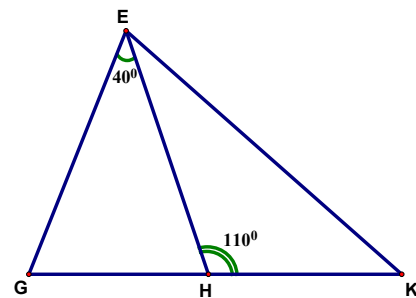
Thành phố	TP HCM	Sydney	Vostok	Ottawa
Nhiệt độ	26°C	24°C	-31°C	-7°C

Thành phố có nhiệt độ cao nhất là:

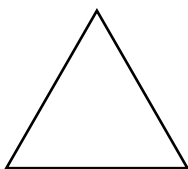
- A. TP HCM B. Sydney C. Vostok D. Ottawa

Câu 7: Quan sát hình vẽ bên. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. Góc EGH có số đo là 40°
B. Góc GEH có đỉnh là E, có hai cạnh là HE và HG
C. Góc EHK có số đo là 110°
D. Góc EHK là góc nhọn



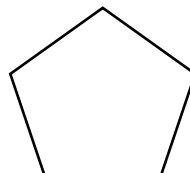
Câu 8: Quan sát các hình sau:



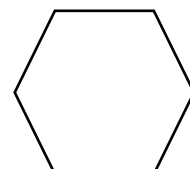
Hình 1



Hình 2



Hình 3



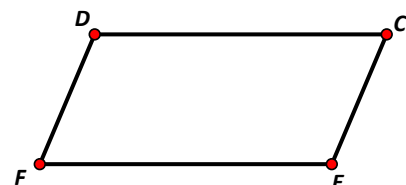
Hình 4

Hình lục giác đều là:

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 9: Cho hình bình hành DCFE có $DC = 6\text{cm}$, $DF = 4\text{cm}$. Khẳng định nào sau đây đúng ?

- A. $DE = 6\text{ cm}$ B. $DF = 6\text{ cm}$



C. $EF = 4 \text{ cm}$

D. $EC = 4 \text{ cm}$

Câu 10: Cho M là trung điểm của đoạn thẳng DE. Biết đoạn $DE = 10 \text{ cm}$. Độ dài MD bằng:

A. 20 cm

B. 2 cm

C. 5 cm

D. 4 cm

Câu 11: Hãy chọn câu đúng:

A. Hình có hai đường chéo bằng nhau là hình vuông..

B. Hình có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật.

C. Trong hình thoi hai đường chéo vuông góc với nhau.

D. Hình có 2 góc vuông là hình vuông.

Câu 12: Số $a = 2^3 \cdot 3^2 \cdot 5$; số $b = 3^3 \cdot 5 \cdot 7$. Khi đó ƯCLN($a; b$) bằng

A. $3^2 \cdot 5$

B. $3^3 \cdot 5$

C. $2^3 \cdot 3^3 \cdot 5 \cdot 7$

D. $2^3 \cdot 3^2 \cdot 5 \cdot 7$

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Thực hiện phép tính:

a) $6^{2024} : 6^{2021} - 3^2 \cdot 5$

b) $48 : (25 - 23)^3 + 2023^0$

Câu 2 (1,5 điểm): Một tổ chức từ thiện có 120 bánh táo, 105 bánh khoai và 135 bánh xoài. Người ta muốn chia hết số bánh trên thành các phần đều nhau và mỗi phần quà đều có đủ 3 loại bánh cho các em thiếu nhi. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần quà và số lượng từng loại bánh trong mỗi phần quà là bao nhiêu?

Câu 3 (1,5 điểm): Biểu đồ tranh ở hình bên cho biết số cây trong vườn bác Nga:

Biết  = 10 cây,  = 5 cây

a) Hãy cho biết số lượng cây trong vườn bác Nga?

b) Bác Nga trồng loại cây nào nhiều nhất, loại nào ít nhất?

c) Loại nhiều nhất hơn loại ít nhất bao nhiêu cây?

Loại trái cây	Số cây
Cây xoài	   
Cây chuối	  
Cây dứa	    
Cây đu đủ	  

Câu 4 (2,0 điểm):

a) Vẽ hình vuông ABCD có cạnh $AB = 4 \text{ cm}$.

b) Hãy nêu các đường chéo của hình vuông.

c) Hãy cho biết số đo của góc BCD, góc ADC

d) Hai đường chéo của hình vuông cắt nhau tại O. Hãy nêu các đoạn thẳng có độ dài bằng với đoạn thẳng OA.

Câu 5: (0,5 điểm) Tính nhanh:

$$(2^{78} + 2^{79} + 2^{80}) : (2^{77} + 2^{76} + 2^{75})$$

----- HẾT -----

TRƯỜNG THCS TRẦN DANH NINH QUẬN 8

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2023-2024

MÔN: TOÁN – LỚP 6

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Mỗi câu: 0,25 điểm

Câu 1: A. $2 \in A$

Câu 2: A. 250

Câu 3: D. $B = \{ 6; 12; 18; 24; 30 \}$

Câu 4: C. $\mathbb{Z}$

Câu 5: B. $-20 < -18$

Câu 6: A. TP HCM

Câu 7: C. Góc EHK có số đo là 110°

Câu 8: D. Hình 4.

Câu 9: D. $EC = 4 \text{ cm}$

Câu 10: C. 5 cm

Câu 11: C. Trong hình thoi hai đường chéo vuông góc với nhau.

Câu 12: A. $3^2.5$

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Thực hiện phép tính:

$$\begin{aligned} \text{a) } & 6^{2024} : 6^{2021} - 3^2.5 \\ & = 6^3 - 9.5 && 0,25\text{đ} \\ & = 216 - 45 && 0,25\text{đ} \\ & = 171 && 0,25\text{đ} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & 48 : (25 - 23)^3 + 2023^0 \\ & = 48 : 2^3 + 1 && 0,25\text{đ} \\ & = 48 : 8 + 1 && 0,25\text{đ} \\ & = 6 + 1 \\ & = 7 && 0,25\text{đ} \end{aligned}$$

Câu 2 (1,5 điểm):

Số phần quà được chia là ước của 120, 105 và 135

Số phần quà được chia phải nhiều nhất 0,25đ

Nên số phần quà được chia là ƯCLN(120, 105, 135) 0,25đ

Ta có: $(120, 105, 135) = 15$ 0,25đ

Vậy có thể chia được nhiều nhất 15 phần quà 0,25đ

Số bánh táo ở mỗi phần quà: $120 : 15 = 8$ (cái)

Số bánh khoai ở mỗi phần quà: $105 : 15 = 7$ (cái) 0,5đ

Số bánh táo ở mỗi phần quà: $135 : 15 = 9$ (cái)

Câu 3 (1,5 điểm):

a) Số cây trong vườn bác Nga là:

0,5đ

$$35+30+45+ 25 = 125 \text{ (cây)}$$

b/ Bác Nga trồng cây dừa nhiều nhất (45 cây)

Bác Nga trồng cây đu đủ ít nhất (25 cây)

0,5đ

c/ Loại cây trồng nhiều nhất hơn loại ít nhất là:

$$45 - 25 = 20 \text{ cây}$$

0,5đ

Câu 4: (2 điểm)

a/Vẽ đúng hình

0,5đ

b/ hai đường chéo hình vuông: AC và BD

0,5đ

c/ số đo của góc BCD, góc ADC là 90^0

0,5đ

d/ $OA = OB = OC = OD$

0,5đ

Câu 5: (0,5 điểm)

$$(2^{78} + 2^{79} + 2^{80}) : (2^{77} + 2^{76} + 2^{75})$$

$$= 2^3 . (2^{75} + 2^{76} + 2^{77}) : (2^{75} + 2^{76} + 2^{77})$$

0,25đ

$$= 2^3$$

$$= 8$$

0,25đ

----- HẾT -----

A. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Câu 1. Nếu $x - 6 = 6$ thì $x = ?$

A. 4

B. 8

C. 3

D. 12

Câu 2. Sắp xếp các số sau

theo thứ tự tăng dần: $-3; 15; -8; 0; -102; -2021$

A. $-2021; -102; -8; -3; 0; 15$

B. $15; 0; -3; -8; -102; -2021$

C. $-2021; -8; -102; -3; 15; 0$

D. $0; 15; -8; -3; -102; -2021$

Câu 3. Điểm kiểm tra Toán thường xuyên của Tổ 1 lớp 6A được ghi lại như sau.

Tên	An	Bi	Khanh	Vy	Hà	My	Phuong	Long	Linh	Thùy
Điểm	7	9	8	9	6	10	5	8	7	10

Có bao nhiêu bạn đạt từ điểm 9 trở lên?

A. 3 bạn

B. 4 bạn

C. 5 bạn

D. 6 bạn

Câu 4. Các số tự nhiên là bội của 3 và nhỏ hơn 18 là:

A. $0; 3; 6; 9; 12; 15; 18$

B. $3; 6; 9; 12; 15; 18$

C. $0; 3; 6; 9; 12; 15$

D. $3; 6; 9; 12; 15$

Câu 5. Tập hợp các số nguyên $\mathbb{Z}$ bao gồm:

A. Số 0 và các số nguyên âm.

B. Các số nguyên âm và các số nguyên dương.

C. Số 0, các số nguyên âm và các số nguyên dương.

D. Số 0 và các số nguyên dương.

Câu 6. Chọn phát biểu đúng trong các câu sau:

A. $4 \notin \mathbb{Z}$

B. Tập hợp số nguyên được kí hiệu là $\mathbb{N}$

C. (-5) là một số nguyên

D. $(+2) \notin \mathbb{N}$

Câu 7. Khẳng định nào sau đây là đúng? Trong hình vuông:

A. Bốn góc không bằng nhau.

B. Hai đường chéo không bằng nhau.

C. Bốn góc bằng nhau.

D. Hai đường chéo song song với nhau

Câu 8. Trong các phép tính dưới đây, phép tính cho kết quả đúng là:

A. $6^3 \cdot 6^4 = 6^{12}$

B. $6^3 \cdot 6^4 = 36^{12}$

C. $6^3 \cdot 6^4 = 6^7$

D. $6^3 \cdot 6^4 = 36^7$

Câu 9. Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh Tổ 3 lớp 6B sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường. Số học sinh đến trường bằng xe máy (ba mẹ chở) nhiều hơn số học sinh đến trường bằng xe đạp là:

Đi bộ	
Xe đạp	 
Xe máy (ba mẹ chở)	  
Phương tiện khác	

A. 0 học sinh

B. 1 học sinh

C. 2 học sinh

D. 3 học sinh

(Mỗi  ứng với 2 học sinh)

Câu 10. Một hình thoi có diện tích bằng 24 cm^2 . Biết độ dài một cạnh đường chéo bằng 6 cm, tính độ dài đường chéo còn lại của hình thoi đó.

A. 4 cm

B. 16 cm

C. 12 cm

D. 8 cm

B. TỰ LUẬN (7,5 điểm)

Bài 1. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính

a) $25 + 75 : (65 - 2 \cdot 5^2)$

b) $125 + [-12 - (3 - 7)^3]$

Bài 2. (1,0 điểm) a) Tìm BCNN(200, 300).

b) Tìm ƯCLN(126, 675).

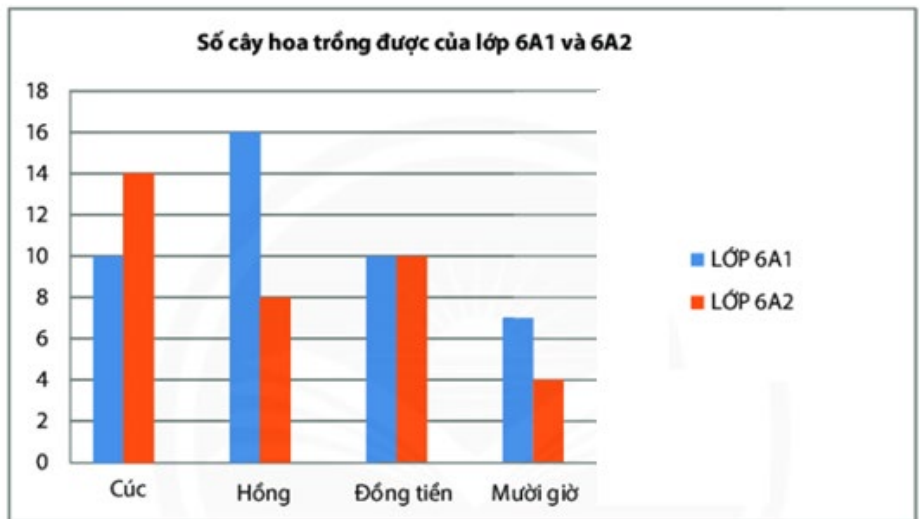
Bài 3. (1,0 điểm) Trong một ngày, nhiệt độ Mát-xơ-va lúc 5 giờ là -6°C , đến 10 giờ tăng thêm 7°C , và lúc 12 giờ tăng thêm tiếp 3°C . Hỏi nhiệt độ Mát-xơ-va lúc 12 giờ là bao nhiêu?

Bài 4. (1,0 điểm) Trong đợt tiêm vaccine ngừa Covid-19 cho các trường trung học cơ sở trên địa bàn quận 3, Trung tâm Y tế dự phòng quận 3 đã huy động 42 bác sĩ, 70 y tá và chia thành

các tổ tiên. Việc chia tổ cần đảm bảo sao cho số bác sĩ và số y tá được chia đều vào các tổ. Hỏi có thể chia số các bác sĩ và y tá đó thành nhiều nhất bao nhiêu tổ tiên?

Bài 5. (1,0 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số cây hoa trồng được của lớp 6A1 và lớp 6A2. Từ biểu đồ trên em hãy cho biết:

- a) Lớp 6A1 trồng được nhiều nhất loại hoa nào?
- b) Loại hoa nào lớp 6A2 trồng nhiều hơn lớp 6A1 và nhiều hơn bao nhiêu bông hoa?



Bài 6. (1,0 điểm) Cho đoạn thẳng $AB = 5$ cm. Lấy điểm C thuộc đoạn thẳng AB sao cho $AC = 1$ cm.

- a) Vẽ hình và tính độ dài đoạn thẳng CB.
- b) Trên tia đối của tia BA lấy điểm D sao cho $BD = 4$ cm. Hỏi B có phải có trung điểm của đoạn thẳng CD không? Vì sao?

Bài 7. (0,5 điểm) Tìm số tự nhiên n, biết: $(2n + 18) : (2n + 5)$

--HẾT--

I. TRẮC NGHIỆM: (2,5 điểm)

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
D	A	B	C	C	C	C	C	C	D

II. TỰ LUẬN: (7,5 điểm)

Bài	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1 điểm)	a) $25 + 75 : (65 - 2.5^2)$ $= 25 + 75 : (65 - 2.25)$ $= 25 + 75 : (65 - 50)$ $= 25 + 75 : 15$ $= 25 + 5$ $= 30$	0,25 0,25
	b) $125 + \left[-12 - (3 - 7)^3 \right]$ $= 125 + \left[-12 - (-4)^3 \right]$ $= 125 + \left[-12 - (-64) \right]$ $= 125 + 52$ $= 177$	0,25 0,25
Bài 2 (1 điểm)	a) Tìm BCNN(200, 300)	0,25

	$200 = 2^3.5^2$ $300 = 2^2.3.5^2$ $BCNN(200,300) = 2^3.3.5^2 = 600$ b) Tìm ƯCLN(126, 675). $126 = 2.3^2.7$ $675 = 3^3.5^2$ $UCLN(126,675) = 3^2 = 9$	0,25 0,25 0,25
Bài 3 (1 điểm)	Nhiệt độ Mát-xơ-va lúc 12 giờ là $-6 + 7 + 3 = 4^0 C$	1
Bài 4 (1 điểm)	Số tổ tiên nhiều nhất có thể chia số bác sĩ và y tá là ước chung lớn nhất của 42 và 70 $42 = 2.3.7$ $70 = 2.5.7$ $ƯCLN(42,70) = 7$ Vậy số tổ tiên nhiều nhất có thể chia số bác sĩ và y tá là 7 tổ	0,25 0,5 0,25
Bài 5 (1 điểm)	a) Lớp 6A1 trồng được nhiều nhất loại hoa: hoa Hồng b) Loại hoa lớp 6A2 trồng nhiều hơn 6A1 là hoa Cúc Số hoa Cúc 6A2 trồng nhiều hơn 6A1 là: $14 - 10 = 4$ (hoa)	0,5 0,25 0,25
Bài 6 (2 điểm)	HS vẽ hình đúng a) Độ dài đoạn thẳng CB là: $CB = AB - AC = 5 - 1 = 4$ cm b) B là trung điểm của đoạn thẳng CD, vì:	0,5 0,5 0,5

	+ B nằm giữa hai điểm C và D + $BC = BD = 4 \text{ cm}$	0,25 0,25
Bài 7 (0,5 điểm)	Ta có: $(2n + 18) : (2n + 5)$ $(2n + 5 + 13) : (2n + 5)$ $1 + [13 : (2n + 5)]$ Để thỏa yêu cầu bài toán thì $(2n+5)$ là ước của 13 Khi đó: $2n + 5 = 1$ hoặc $2n + 5 = 13$ $n = -2(\text{loại})$ hoặc $n = 4$ Vậy $n = 4$	 0,25 0,25

----- HẾT -----

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 8

TRƯỜNG THCS BÌNH AN

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2023 - 2024

MÔN: TOÁN - LỚP 6

Thời gian làm bài : 90 phút (không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: Cho tập hợp $A = \{1; 2; 3; 6; 8\}$ chọn khẳng định đúng?

A. $2 \in A$

B. $6 \notin A$

C. $5 \in A$

D. $8 \notin A$

Câu 2: Số liền sau số 2021 là:

A. 2020

C. 2021

B. 2022

D. 2023

Câu 3: Thứ tự thực hiện đúng các phép tính đối với biểu thức có ngoặc là:

A. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$.

B. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$.

C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$.

D. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$.

Câu 4: Số nào là ước của 10?

A. 3

C. 5

B. 7

D. 8

Câu 5: Số nào là bội của 9?

A. 18

C. 26

B. 15

D. 12

Câu 6: Trong các số tự nhiên sau, số nào là số nguyên tố?

A. 10

C. 15

B. 22

D. 23

Câu 7. Hợp số là

A. số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.

B. số tự nhiên lớn hơn 1, có hai ước.

C. số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.

D. số tự nhiên lớn hơn 1, có một ước.

Câu 8: Phép chia nào sau đây là phép chia có dư?

A. $25:5$

C. $210:5$

B. $108 : 9$

D. $193:3$

Câu 9: Tổng nào sau đây chia hết cho 7.

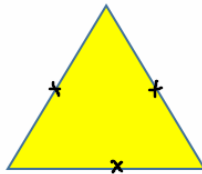
A. $14 + 51$

B. $49 + 70$

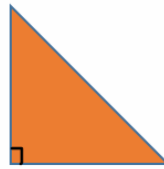
C. $7 + 12$

D. $10 + 16$

Câu 10 Trong các hình sau đây, hình nào là tam giác đều?



HÌNH 1



HÌNH 2



HÌNH 3



HÌNH 4

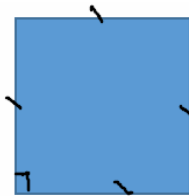
A. Hình 1.

B. Hình 2.

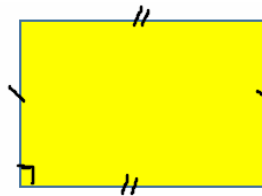
C. Hình 3.

D. Hình 4.

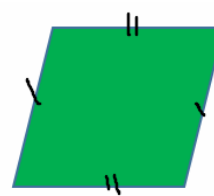
Câu 11 Trong các hình sau đây, hình nào là hình vuông?



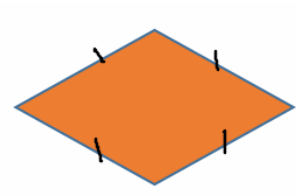
HÌNH 1



HÌNH 2



HÌNH 3



HÌNH 4

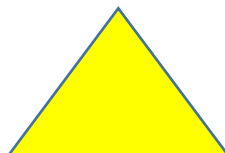
A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

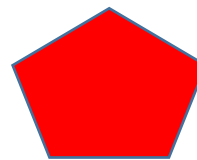
Câu 12. Trong các hình sau đây, hình nào là hình lục giác đều?



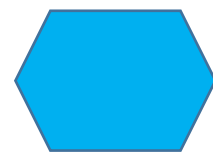
HÌNH 1



HÌNH 2



HÌNH 3



HÌNH 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

PHẦN II. TỰ LUẬN. (7 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

a) $50 + (-12) + (-30) + 12$;

b) $514 - 4 \cdot \{ [40 + 8 \cdot (6 - 3)^2] - 12 \}$;

Câu 2: (0,5 điểm) Tìm: ƯCLN(12;18)

Câu 3: (1 điểm) Số học sinh khối 6 của một trường có khoảng từ 450 đến 500 em. Mỗi lần xếp hàng 3, hàng 4, hàng 5 đều vừa đủ không thừa ai. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh?

Câu 4: (1,0 điểm) Một bài kiểm tra có 50 câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng được +5 điểm, mỗi câu trả lời sai được -3 điểm và 0 điểm cho mỗi câu chưa trả lời. Tính số điểm của một học sinh đạt được khi đã trả lời được 35 câu đúng, 10 câu sai và 5 câu chưa trả lời được?

Câu 5: (1 điểm) Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số bánh mì mà cửa hàng bán được trong bảy ngày:

Số bánh mì bán được trong năm ngày	
Ngày	Số bánh mì bán được
Ngày thứ nhất	
Ngày thứ hai	
Ngày thứ ba	
Ngày thứ tư	
Ngày thứ năm	
Ngày thứ sáu	
Ngày thứ bảy	

Trong đó:  = 100 bánh,  = 50 bánh.

a) Từ biểu đồ tranh, em hãy cho biết ngày nào bán được nhiều nhất và ngày đó bán được bao nhiêu cái bánh?

b) Số bánh cửa hàng bán được trong cả bảy ngày là bao nhiêu?

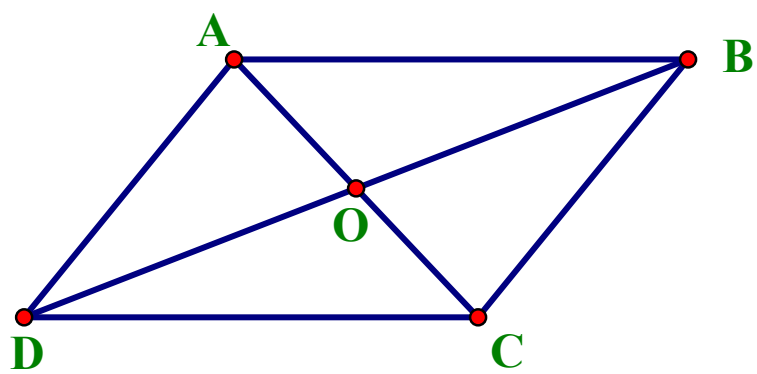
Câu 6: (0,5 điểm) Tìm x, biết:

$$3^{x-2} + 2021^0 = 28$$

Câu 7: (2 điểm) Cho hình bình hành ABCD có O là giao điểm của hai đường chéo

a) Biết $AB = 7$ cm, $AD = 5$ cm, $AO = 3$ cm. Hãy tính độ dài của: AC, DC, BC.

b) Biết $\widehat{BAC} = 48^\circ$, $\widehat{BAD} = 125^\circ$. Tính số đo góc DAC.



-----HẾT-----

(Giám thị coi thi không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**NĂM HỌC 2023-2024****MÔN: TOÁN 6****PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	A	B	A	C	A	D	C	D	B	C	A	D

PHẦN II. TỰ LUẬN:

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 1 (1đ)	a) $50 + (-12) + (-30) + 12$ $= [(-12) + 12] + [50 + (-30)]$ $= 0 + 20 = 20$	0,5 0,5
	b) $514 - 4 \cdot \{ [40 + 8 \cdot (6 - 3)^2] - 12 \}$ $= 514 - 4 \cdot \{ [40 + 8 \cdot 3^2] - 12 \}$ $= 514 - 4 \cdot \{ [40 + 8 \cdot 9] - 12 \}$ $= 514 - 4 \cdot \{ [40 + 72] - 12 \}$ $= 514 - 4 \cdot \{ 112 - 12 \}$ $= 514 - 4 \cdot 100$ $= 514 - 400 = 114$	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 2 (0,5đ)	Ta có: $12 = 2^2 \cdot 3$ $18 = 2 \cdot 3^2$ Do đó: $UCLN(12, 18) = 2 \cdot 3 = 6$	0,5

Câu 3 (1,0đ)	Gọi x là số học sinh khối 6 của trường ($x \in N^*$) Theo đề ta có: $x \vdots 3, x \vdots 4, x \vdots 5$ và $450 \leq x \leq 500$	0,25
	$\Rightarrow x \in BC(3,4,5)$ và $450 \leq x \leq 500$	0,25
	Ta có: $3 = 3$ $4 = 2^2$ $5 = 5$ $BCNN(3,4,5) = 2^2.3.5 = 4.3.5 = 60$ $BC(3,4,5) = B(60) = \{0; 60; 120; 180; 240; 300; 360; 420; 480 \dots\}$ Vì $450 \leq x \leq 500$ nên $x = 480$	0,25
	Vậy khối 6 có 480 học sinh.	0,25
Câu 4 (1,0đ)	Khi trả lời được 35 câu đúng, 10 câu sai và 5 câu chưa trả lời được thì số điểm của học sinh đó là: $35 \cdot (+5) + 10 \cdot (-3) + 5 \cdot 0$ $= 175 + (-30) + 0$ $= 175 - 30 = 145$	0,5 0,5
Câu 5 (1đ)	a) Số bánh cửa hàng bán được trong ngày thứ nhất là cao nhất. Số bánh bán được là: $4.100 + 50 = 450$ cái b) Tổng số bánh bán được là: $450 + 350 + 400 + 300 + 300 + 200 + 350 = 2350$ cái	0,25 0,25 0,5
Câu 6 (1đ)	$3^{x-2} + 2021^0 = 28$ $3^{x-2} + 1 = 28$ $3^{x-2} = 27 = 3^3$ $x - 2 = 3$ $x = 5$	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 7	$AC = 2AO = 2.3 = 6 \text{ cm}$ $AB = 7 \text{ cm} \Rightarrow CD = 7 \text{ cm}$ $AD = 5 \text{ cm} \Rightarrow BC = 5 \text{ cm}$	0,25 0,25 0,5

(2đ)	$\widehat{DAC} = \widehat{DAB} - \widehat{BAC}$	0,5
	$= 125^0 - 48^0$	0,25
	$= 77^0$	0,25

Lưu ý: Học sinh giải bằng cách khác, đúng vẫn cho điểm trọn.

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA HKI- TOÁN 6

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm) (HS chọn phương án nào đúng nhất)

Câu 1: Cách viết tập hợp nào sau đây là đúng?

- A. $A = [0; 1; 2; 3]$. B. $A = (0; 1; 2; 3)$. C. $A = 1; 2; 3$. D. $A = \{0; 1; 2; 3\}$.

Câu 2: Cho tập hợp $M = \{1; 2; 3\}$. Chọn khẳng định sai:

- A. $1 \in M$. B. $1 \notin M$. C. $3 \in M$. D. $2 \in M$.

Câu 3: Kết quả $4^6 : 4^3$ bằng

- A. 4^3 . B. 1^3 . C. 4^2 . D. 1^2 .

Câu 4: Số nào sau đây chia hết cho 5?

- A. 2020. B. 2017. C. 2018. D. 2019.

Câu 5: Cho $a, b \in \mathbb{Z}; b \neq 0$. Nếu có số nguyên q sao cho $a = bq$ thì:

- A. a là ước của b . B. b là bội của a .
C. a là bội của b . D. q là ước của b .

Câu 6: Sắp xếp các số sau $0; -2; 5; 7; -1; -8$ theo thứ tự giảm dần

- A. $0; -2; 5; 7; -1; -8$. B. $7; 5; 0; -1; -2; -8$.
C. $7; 5; 0; -8; -2; -1$. D. $7; 5; 0; -2; -1; -8$.

Câu 7: Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào có hình dạng là tam giác đều?



Biển báo 1



Biển báo 2



Biển báo 3



Biển báo 4

- A. Biển báo 3. B. Biển báo 4. C. Biển báo 1. D. Biển báo 2.

Câu 8: Logo của hãng xe ô tô Nhật Bản Mitsubishi với biểu tượng "Ba viên kim cương" đã gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của công ty được sử dụng từ năm 1964. Hỏi, trong thiết kế logo Mitsubishi được tạo nên bởi 3 hình gì? (hình vẽ minh họa dưới đây)

- A. Hình thoi. B. Hình chữ nhật.
C. Hình tam giác. D. Hình vuông.



Câu 9: Cho hình chữ nhật $ABCD$. Đáp án nào sau đây đúng:

- A. $AB = DC, BC = AD$. B. $AC = DC, BC = AD$.
C. $AB = DC, BA = AD$. D. $AB = DA, BC = AD$.

Câu 10: Ba đường chéo chính của lục giác đều $ABCDEF$ là

- A. AB, CD, AC . B. AD, FC, EB .
C. AB, CD, EF . D. FE, ED, DC .

Câu 11: Cho biểu đồ tranh về số học sinh khối lớp 6 được điểm 10 môn Ngữ Văn trong tuần như sau:

Ngày	Số học sinh được điểm 10 môn Ngữ Văn
Thứ Hai	● ●
Thứ Ba	●
Thứ Tư	● ● ● ●
Thứ Năm	● ●
Thứ Sáu	● ● ● ● ●

● = 1 học sinh

Số học sinh được điểm 10 môn Ngữ Văn vào thứ Năm là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 12: Một bảng thống kê khối lượng táo bán được trong bốn tháng đầu năm 2020 của một hệ thống siêu thị được trình bày dưới đây

Tháng	1	2	3	4
Khối lượng	10	40	25	20

Vấn đề mà hệ thống siêu thị đang điều tra là

- A. Khối lượng táo bán được của từng tháng trong bốn tháng đầu năm 2020.
 B. Các tháng 1, 2, 3, 4.
 C. Tháng và khối lượng.
 D. Khối lượng của hệ thống siêu thị.

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1. Thực hiện phép tính:

- a) $25.8 - 15.5 + 160 : 16 - 10$ b) $2.5^2 - 3 : 71^0 + 54 : 3^3$ c) $329 + 64 + (-329) + 36$

Câu 2. Bạn Hoa có 30 chiếc bánh dẻo và 40 chiếc bánh nướng. Bạn Hoa muốn chia số bánh vào các hộp sao cho số bánh mỗi loại trong các hộp là như nhau. Hỏi số hộp bánh nhiều nhất bạn Hoa chia được là bao nhiêu hộp?

Câu 3. Nhiệt độ hiện tại của phòng ướp lạnh là -6°C . Nhiệt độ tại phòng sẽ là bao nhiêu độ C nếu giảm xuống 7°C ?

Câu 4. Câu lạc bộ học tiếng Nhật của trường THCS Đoàn Kết thống kê số học viên trong 4 năm liên tiếp trong bảng sau:

Năm	2017	2018	2019	2020
Số học viên	30	40	50	60

a) Trong năm 2017, số lượng học viên học tiếng Nhật của trường THCS Đoàn Kết là bao nhiêu?

b) Năm nào có số lượng học viên là số chia hết cho 3.

Câu 5. Vẽ đoạn thẳng $AB = 8\text{cm}$. Vẽ M là trung điểm của AB

a) Tính AM, MB

b) Vẽ N không thuộc đường thẳng AB. Vẽ tia NM, đường thẳng NA, đoạn thẳng NB.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM (Mỗi phương án đúng +0,25đ)

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
D	B	A	A	C	B	C	A	A	B	B	A

II. TỰ LUẬN

Câu		Nội dung đáp án	Điểm
Câu 1	a	$25.8 - 15.5 + 160 : 16 - 10$ $= 25.8 - 3.5.5 + 10 - 10$ $= 25.8 - 25.3 + 0$ $= 25.(8 - 3)$ $= 25.5 = 125$	0,25 0,25 0,25 0,25
	b	$2.5^2 - 3: 71^0 + 54: 3^3$ $= 2.25 - 3 : 1 + 54 : 27$ $= 50 - 3 + 2$ $= 47 + 2$ $= 49$	0,25 0,25 0,25 0,25
	c	$329+64+(-329)+36$ $= [329 + (-329)] + (64+36)$ $= 0 + 100 = 100$	0,25 0,25
Câu 2		Gọi số hộp chia được là x (x là số tự nhiên khác 0) Vì x là số hộp bánh lớn nhất chia được nên $x = \text{ƯCLN}(30, 40)$ Ta có $30 = 2.3.5$ và $40 = 2^3.5$ nên $\text{ƯCLN}(30, 40) = 10$ Vậy số hộp bánh chia được nhiều nhất là 10 hộp.	0,25 0,5 0,25
Câu 3		Nhiệt độ hiện tại của phòng ướp lạnh sau khi giảm 7^0 là: $-6-7= -13^0 \text{ C}$	1
Câu 4	a	Trong năm 2017, số lượng học viên học tiếng Nhật của trường THCS Đoàn Kết là 30.	0,5
	b	Năm 2017 và 2020	0,5
Câu 5	a	$AM = MB = AB:2 = 8:2 = 4\text{cm}$	0,5
	b	Mỗi hình vẽ đúng 0.25đ	1,0

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ LAI

ĐỀ KIỂM TRA THAM KHẢO HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2023-2024

Môn: TOÁN – Lớp 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: Cho $M = \{x \in \mathbb{N} \mid 10 < x \leq 13\}$. Khẳng định nào đúng?

- A. $11 \notin M$ B. $13 \in M$ C. $12 \notin M$ D. $15 \in M$

Câu 2: Cho tập hợp N gồm các số tự nhiên nhỏ hơn hoặc bằng 7. Trong các cách viết sau, cách viết nào đúng?

- A. $N = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$. B. $N = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$.
C. $N = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8\}$. D. $N = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8\}$.

Câu 3: Cặp số nào sau đây là số nguyên tố:

- A. 1 ; 11 B. 5 ; 13 C. 2 ; 9 D. 3 ; 21

Câu 4: Thứ tự thực hiện đúng các phép tính đối với biểu thức có ngoặc là:

- A. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$. B. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$.
C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$. D. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$.

Câu 5: Cho các số 235; 241; 817; 441. Số chia hết cho 5 là:

- A. 235. B. 241. C. 817 D. 441

Câu 6: Tìm tập hợp $B(4)$?

- A. $\{1; 2; 4\}$ B. $\{1; 4; 8; 12; 16; 20; \dots\}$
C. $\{0; 4; 8; 12; 16; 20\}$ D. $\{0; 4; 8; 12; 16; 20; \dots\}$

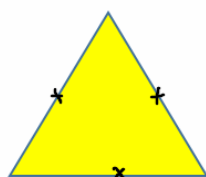
Câu 7: Số nguyên tố là:

- A. Số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.
B. Số tự nhiên lớn hơn 1, có hai ước.
C. Số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.
D. Số tự nhiên lớn hơn 1, có một ước.

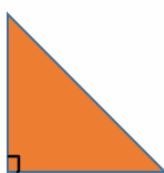
Câu 8: Số chia hết cho 2 thì:

- A. Số đó có chữ số tận cùng là: 0; 2; 4; 6.
B. Số đó có chữ số tận cùng là: 0; 2; 4; 6; 8.
C. Số đó có tổng các chữ số chia hết cho 2.
D. Số đó có chữ số tận cùng khác 0; 2; 4; 6; 8.

Câu 9: Trong các hình sau đây, hình nào là tam giác đều?



HÌNH 1



HÌNH 2



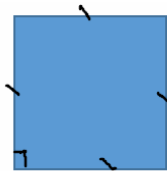
HÌNH 3



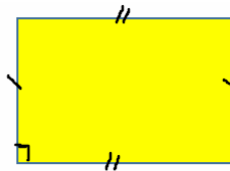
HÌNH 4

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

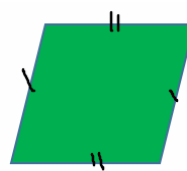
Câu 10: Trong các hình sau đây, hình nào là hình vuông?



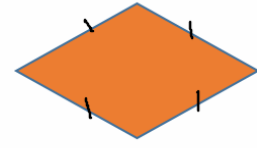
HÌNH 1



HÌNH 2



HÌNH 3



HÌNH 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 11: Bảng điều tra về số khách hàng ăn các loại kem yêu thích của một tiệm A trong buổi sáng chủ nhật được ghi dưới đây. Em hãy thống kê số bạn ưa thích và trả lời câu hỏi bên dưới:

Loại kem	Kiểm đếm	Số lượng khách
Dâu		
Sầu riêng		
Socola		
Va ni		

Có bao nhiêu khách hàng ăn kem dâu?

A. 6

B. 7

C. 8

D. 12

Câu 12: Điểm Toán của lớp 6A1 được cho bởi bảng sau:

Điểm	9	8	7	6	5	4
Số học sinh đạt	6	4	7	3	12	6

Bao nhiêu học sinh đạt điểm từ 7 trở lên?

A. 4

B. 10

C. 17

D. 38

II. TƯ LUẬN : (7,0 điểm)

Bài 1: (1 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $(-32) + 46 - 19$

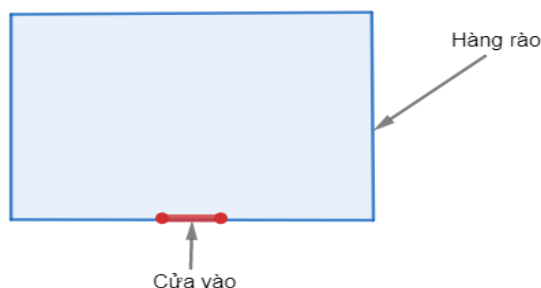
b) $7^{2024} : 7^{2023} + 4^3 - 75$

Bài 2: (0,5 điểm) Tìm BCNN(105; 175)

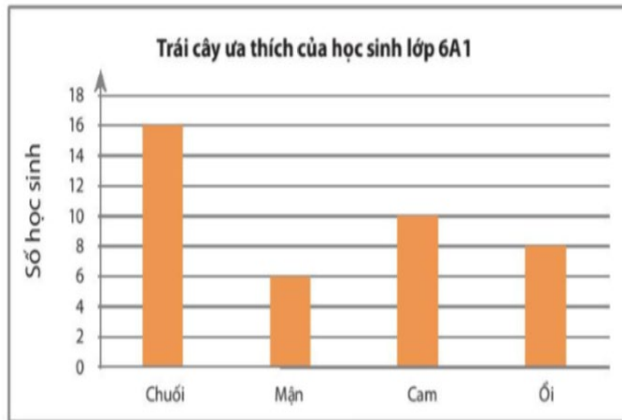
Bài 3: (0,5 điểm) Cho $A = 2 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + \dots + 2^{20}$. Tìm chữ số tận cùng của A?

Bài 4: (1 điểm) Để chia thành các nhóm lao động từ thiện gồm 48 nam, 32 nữ được chia thành các nhóm sao cho số nam, nữ mỗi nhóm đều bằng nhau. Hỏi cách chia nào để có nhiều nhóm nhất và khi đó mỗi nhóm có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ ?

Bài 5: (1 điểm) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng là 40 m và chiều dài là 75m. Người ta muốn làm hàng rào xung quanh vườn bằng hai tầng dây thép gai. Hỏi cần phải dùng bao nhiêu mét dây thép gai để làm hàng rào, biết rằng cửa vào khu vườn rộng 4 m?



Bài 6: (1 điểm) Hãy đọc thông tin về loại trái cây ưa thích của các bạn học sinh lớp 6A1 trong biểu đồ cột sau đây và lập bảng thống kê tương ứng:



Bài 7: (2 điểm) Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 2\text{cm}$, $OB = 4\text{cm}$

- Tính độ dài đoạn thẳng AB?
- A có là trung điểm của OB không? Vì sao?
- Vẽ hình vuông ABCD (với A, B là hai điểm vừa vẽ)

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	B	A	A	D	A	B	A	A	B	C

II. Tự luận

Câu		Nội dung	Điểm										
1	a	$(-32) + 46 - 19 = 14 - 19 = -5$	0,5										
	b	$7^{2024} : 7^{2023} + 4^3 - 75 = 7 + 64 - 75 = 71 - 75 = -4$	0,5										
2		$105 = 3.5.7$ $175 = 5^2.7$ $BCNN(105; 175) = 3.5^2.7 = 525$	0,25 0,25										
	3	$A = 2 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + \dots + 2^{20}.$ $\quad = (2 + 2^2 + 2^3 + 2^4) + (2^5 + 2^6 + 2^7 + 2^8) \dots +$ $(2^{17} + 2^{18} + 2^{19} + 2^{20})$ $\quad = (2 + 2^2 + 2^3 + 2^4) + 2^4.(2 + 2^2 + 2^3 + 2^4) \dots +$ $2^{16}(2 + 2^2 + 2^3 + 2^4)$ $\quad = 30 + 2^4.30 \dots + 2^{16}.30$ $\quad = 30.(1 + 2^4 \dots + 2^{16})$ $\quad = 10.3.(1 + 2^4 \dots + 2^{16})$ Chữ số tận cùng của A là: 0	0,25 0,25										
4		Số nhóm được chia phải là ước của 48 và 40. Vì số nhóm là nhiều nhất nên số nhóm là ƯCLN (48, 40) $48 = 2^4.3$ $40 = 2^3.5$ $ƯCLN(48, 40) = 2^3 = 8$ Vậy có thể chia được nhiều nhất 8 nhóm Khi đó: Số nam mỗi nhóm là: $48 : 8 = 6$ (người) Số nữ mỗi nhóm là: $40 : 8 = 5$ (người)	0,25 0,25 0,25 0,25										
	5	Chu vi khu vườn là: $(40+ 75).2 = 230(m)$ Số mét dây thép gai phải dùng là: $2.(230 - 4) = 452 (m)$	0,5 0,5										
		6	<table><tr><td>Loại trái cây</td><td>Số học sinh</td></tr><tr><td>Chuối</td><td>16</td></tr><tr><td>Mận</td><td>6</td></tr><tr><td>Cam</td><td>10</td></tr><tr><td>Ổi</td><td>8</td></tr></table>	Loại trái cây	Số học sinh	Chuối	16	Mận	6	Cam	10	Ổi	8
	Loại trái cây		Số học sinh										
Chuối	16												
Mận	6												
Cam	10												
Ổi	8												
7	a	O A B x	0,5										
	b	$AB = OB - OA$ $AB = 4 - 2$	0,5										

		$AB = 2 \text{ cm}$ A là trung điểm của đoạn OB $Vì : OA = AB = OB : 2 = 2(\text{cm})$	0,5
	c	Vẽ đúng hình vuông ABCD	0,5

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 8
TRƯỜNG THCS KHÁNH BÌNH

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2023-2024

MÔN: TOÁN – LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,5 điểm)

Câu 1: Cho tập hợp $B = \{0; 1; 2; 3; 4\}$, khẳng định nào sau đây là đúng?

- A.** $2 \notin B$ **B.** $5 \in B$ **C.** $0 \in B$ **D.** $4 \notin B$

Câu 2: Biểu báo nào sau đây là hình vuông



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 3: $UCLN(24,36)$ là

- A. 12 B. 6 C. $\{12\}$ D. $\{6\}$

Câu 4: Tam giác ABC đều có cạnh là 10 cm thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $AB = 9\text{cm}$ B. $AC > AB$ C. $BC = 10\text{ cm}$ D. $AB < BC$

Câu 5: Với n, m là số tự nhiên bất kỳ, $n \geq m$; $a \neq 0$, công thức nào dưới đây đúng ?

- A.** $a^n : a^m = 1$ **B.** $a^n : a^n = a^n$
C. $a^n - a^m = a^{n-m}$ **D.** $a^n : a^m = a^{n-m}$

Câu 6: Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Số 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất. B. Số 0 là số nguyên tố.
- C. Các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là: 3, 5, 7, 9. D. Các số nguyên tố đều là số lẻ.

Câu 7: Số nào là bội của 4:

- A. 1 B. 2 C. 14 D. 28

Câu 8: Một khung ảnh hình chữ nhật có kích thước là 7dm và 5dm. Chu vi của khung ảnh là:

- A.** 12dm **B.** 24dm **C.** 35dm **D.** 40dm

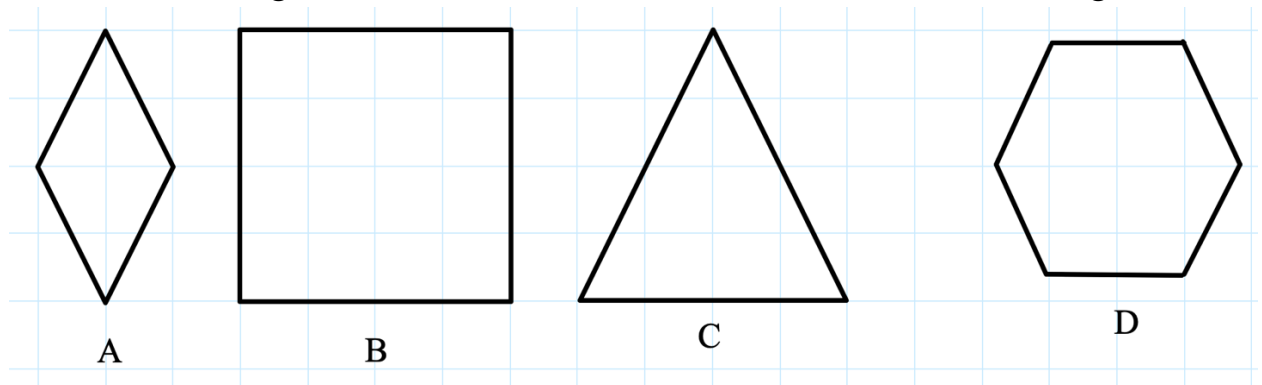
Câu 9: Cho $\widehat{xOy} = 145^\circ$, khẳng định nào sau đây đúng:

- A. Góc xOy là góc nhọn B. Góc xOy là góc vuông
C. Góc xOy là góc tù D. Góc xOy là góc bẹt

Câu 10: Khẳng định nào sau đây đúng:

- A. Góc AOC có đỉnh là A, hai cạnh là AO, AC
B. Góc AOC có đỉnh là O, hai cạnh là AC, AO
C. Góc AOC có đỉnh là C, hai cạnh là CA, CO
D. Góc AOC có đỉnh là O, hai cạnh là OA, OC

Câu 11: Trong các hình sau, hình nào là hình lục giác đều:



- A. Hình A B. Hình B C. Hình C D. Hình D

Câu 12: Tìm ƯC (9; 15)

- A. $ƯC(9; 15) = \{1; 3\}$
B. $ƯC(9; 15) = \{0; 3\}$
C. $ƯC(9; 15) = \{1; 5\}$
D. $ƯC(9; 15) = \{1; 3; 9\}$

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,5 điểm)

Bài 1 (1,5 điểm): Thực hiện phép tính:

- a) $13.19 + 19.27 + 19.60$
b) $3^2 \cdot 2^3 + 5^{15} : 5^{13} + 2023^0$
c) $325 + (-158) + 675 + (-442) - 500$

Bài 2 (1,0 điểm):

- a) Tìm ƯCLN(24, 36) b) Tìm BCNN(12, 15, 18)

Bài 3: (1đ) Bà Năm có 96 cái bánh và 84 cái kẹo bà muốn chia thành các phần như nhau gồm bánh và kẹo. Hỏi bà Năm có thể chia được nhiều nhất thành bao nhiêu phần? Khi ấy mỗi phần có bao nhiêu cái bánh, bao nhiêu cái kẹo?

Bài 4: (1đ) Một chiếc điều bay lên đến độ cao 15 m (so với mặt đất), sau đó giảm 5 m rồi gặp gió lại lên 7 m. Hỏi cuối cùng chiếc điều ở độ cao bao nhiêu (so với mặt đất)?

Bài 5: (1đ)

Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số bánh mì mà cửa hàng bán được trong bảy ngày:

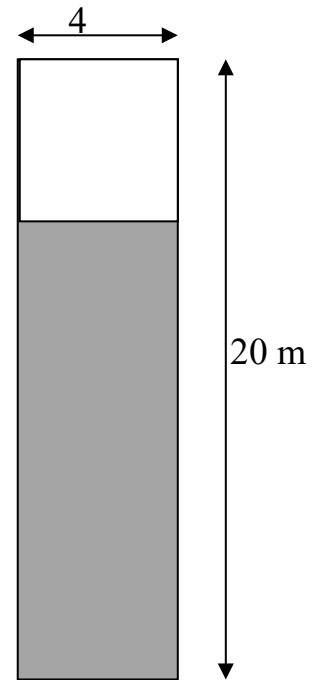
Số bánh mì bán được trong bảy ngày	
Ngày	Số bánh mì bán được
Ngày thứ nhất	
Ngày thứ hai	
Ngày thứ ba	
Ngày thứ tư	
Ngày thứ năm	
Ngày thứ sáu	
Ngày thứ bảy	

Trong đó:  = 100 bánh,  = 50 bánh.

a) Từ biểu đồ tranh, em hãy cho biết ngày nào bán được nhiều nhất và ngày đó bán được bao nhiêu cái bánh?

b) Số bánh cửa hàng bán được trong cả bảy ngày là bao nhiêu?

Bài 6: (1đ) Ông Nam có một khu đất hình chữ nhật có chiều dài là 20m và chiều rộng là 4m.



a) Hãy tính diện tích của khu đất này.

b) Ông Nam dự định xây nhà trên khu đất này và chừa lại một phần sân hình vuông phía trước như hình bên. (Phần xây nhà có màu in đậm). Hãy tính diện tích nhà ông Nam sẽ xây nhà.

Bài 7: (0,5 điểm):

Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 3\text{cm}$, $OB = 6\text{cm}$.

Điểm A có là trung điểm của OB không? Vì sao?

Bài 8: (0,5 điểm):

Rosalind Elsie Franklin ($\overline{abcd}$ - 1958) là nhà lí sinh học và tinh thể học tia X. Bà đã có những đóng góp quan trọng cho sự hiểu biết về cấu trúc phân tử của DNA, RNA, virus, than đá, than chì. Tìm năm sinh $\overline{abcd}$ của bà, biết :

a không là số nguyên tố cũng không là hợp số.

b là hợp số lớn nhất có một chữ số.

$\overline{abcd}$ chia hết cho 2; 3; 5 và $c < 5$.

----- **HẾT** -----

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 8
Trường THCS Khánh Bình

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2023-2024
MÔN: TOÁN – LỚP 6

Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN 1 TRẮC NGHIỆM	Câu 1: C. Câu 2: D. Câu 3: A. Câu 4: C. Câu 5: D. Câu 6: A. Câu 7: D. Câu 8: B. Câu 9: C. Câu 10: D. Câu 11 : D Câu 12 : A	Mỗi câu: 0,25
PHẦN 2 TỰ LUẬN		
Bài 1	$a. 13.19 + 19.27 + 19.60$ $= 19.(13 + 27 + 60)$ $= 19.100$ $= 1900$	0,25 0,25
	$b. 3^2. 2^3 + 5^{15} : 5^{13} + 2023^0$ $= 9.8 + 5^2 + 1$ $= 72 + 25 + 1$ $= 97 + 1$ $= 98$	0,25 0,25
	$c) 325 + (-158) + 675 + (-442) - 500$ $= (325 + 675) + ((-158) + (-442)) - 500$ $= 1000 + (-600) - 500$ $= 400 - 500 = -100$	0,25 0,25
Bài 2	a) Tìm đúng ƯCLN(24, 36) = 12 b) Tìm đúng BCNN(12,15,18) = 180	0,5 0,5
Bài 3	Số phần nhiều nhất có thể chia được là ƯCLN(96, 84) $96 = 2^5.3; 84 = 2^2.3.7$ $ƯCLN(96, 84) = 2^2.3 = 12.$ Vậy: Số phần nhiều nhất có thể chia là 12 Số bánh mỗi phần: $96: 12 = 8$ (cái) Số kẹo mỗi phần: $84 : 12 = 7$ (cái)	0,5 0,5

Bài 4	Cuối cùng chiếc điều ở độ cao (so với mặt đất) là $15 - 5 + 7 = 17(\text{m})$	1
Bài 5	a) Số bánh cửa hàng bán được trong ngày thứ nhất là cao nhất. Số bánh bán được là: $4.100 + 50 = 450$ cái b) Tổng số bánh bán được là: $450+350+400+300+300+200+350 = 2350$ cái	0, 5 0, 5
Bài 6	a) Diện tích của khu đất là: $20 \cdot 4 = 80 (\text{m}^2)$ b) Diện tích phần sân là: $4.4 = 16 (\text{m}^2)$ Diện tích nhà ông Nam sẽ xây: $80 - 16 = 64 (\text{m}^2)$ <i>Hoặc:</i> Tính chiều dài phần đất xây nhà Tính diện tích xây nhà.	0, 5 0, 5
Bài 7	Vẽ hình đúng $AB = 3\text{cm}$ A là trung điểm OB Vì A nằm giữa OB và $OA = AB = 3\text{cm}$	0,25 0,25
Bài 8	- a không là số nguyên tố cũng không là hợp số và a là chữ số hàng nghìn của số tự nhiên có bốn chữ số nên $a = 1$ - b là hợp số lớn nhất có một chữ số nên $b = 9$ $\overline{abcd}$ chia hết cho 2;5 nên $d = 0$ $\overline{19c0} : 3 \Rightarrow (1+9+c+0) : 3 \Rightarrow (10+c) : 3$ Mà $c < 5$ nên $c = 2$ Suy ra $\overline{abcd} = 1920$ Vậy năm sinh của bà Rosalind Elsie Franklin là năm 1920.	0,5

----- HẾT -----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2023- 2024
MÔN: TOÁN KHỐI: 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

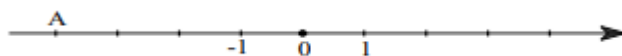
Phần 1 : Trắc nghiệm (3 điểm)

Câu 1: Tập hợp nào dưới đây là tập hợp số tự nhiên N

A. $N = \{1;2;3;...\}$ B. $N = \{0;1;2;3;...;100\}$

C. $N = \{0;1;2;3;...\}$ D. $N = \{0;2;4;6;...\}$

Câu 2: Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?



- A. - 5. B. - 4 C. 4 D. 5

Câu 3:.. Hãy cho biết chiếc kệ treo tường sau có dạng hình gì?



- A. Hình lục giác đều C. Hình vuông
B. Hình tam giác đều D. Hình thoi

Câu 4 : Kết quả của phép tính $9^2 + 40^2$

- A. 13^2 . B. 49^2 . C. 17^2 . D. 41^2 .

Câu 5. Tìm số tự nhiên a, b thỏa mãn $\overline{2a5b}$ chia hết cho các số 2; 5 và 9

- A. $a = 1, b = 0$ B. $a = 2, b = 0$
C. $a = 0, b = 1$ D. $a = 0, b = 2$

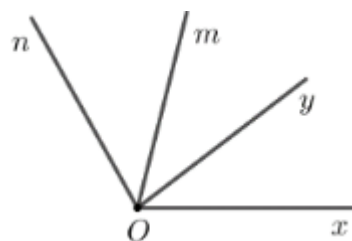
Câu 6: Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Số 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất.
B. Số 0 là số nguyên tố.
C. Các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là: 3, 5, 7, 9.

D. Các số nguyên tố đều là số lẻ.

Câu 7: Hình vẽ bên có bao nhiêu góc

- A. 3 B. 6 C. 4 D. 5



Câu 8. Bạn Bình mỗi ngày tiết kiệm được 5 000 đồng để mua một cuốn truyện yêu thích. Sau hai tuần bạn Bình mua được cuốn truyện trên và dư 3 000 đồng. Hỏi cuốn truyện bạn Bình mua có giá bao nhiêu?

- A. 62 000 đồng. B. 70 000 đồng.
C. 67 000 đồng. D. 73 000 đồng.

Câu 9: Hãy đọc bảng thống kê xếp loại hạnh kiểm lớp 9A sau:

Xếp loại hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình
Số học sinh	25	3	2

Em hãy cho biết số học sinh có hạnh kiểm từ khá trở lên là bao nhiêu?

- A. 5 B. 30 C. 27 D. 28

Câu 10. Rút gọn phân số $\frac{60}{14}$ về dạng tối giản là:

- A. $\frac{7}{15}$ B. $\frac{7}{30}$ C. $\frac{30}{7}$ D. $\frac{2}{7}$

Câu 11. Trong các hình sau, hình nào là hình tam giác đều:



HÌNH A

A. Hình B



HÌNH B

B. Hình A



HÌNH C

C. Hình D



HÌNH D

D. Hình C

Câu 12: Số tự nhiên a lớn nhất thỏa mãn $90 : a$ và $135 : a$ là:

- A. 60 B. 45 C. 30 D. 15

Phần 2: Tự luận (7 điểm)

Bài 1: (1,25 điểm) Thực hiện phép tính sau:

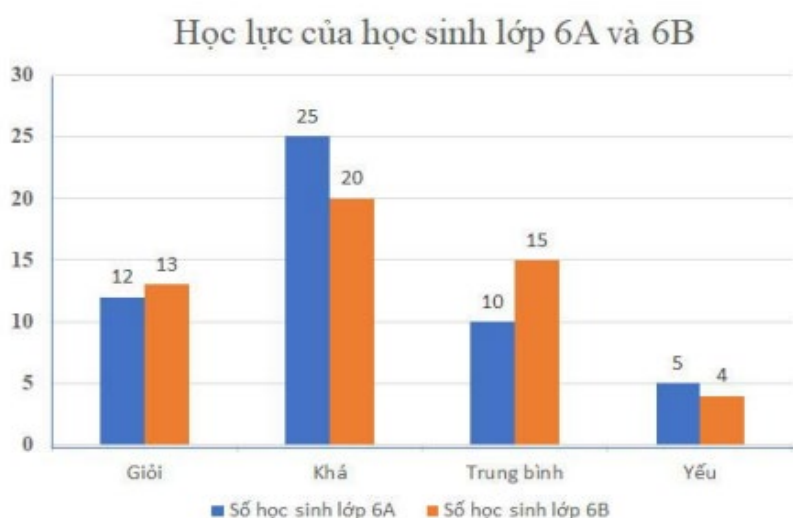
a) $(-32) + (-68) + 20$

b) $100 - 5 \cdot [(2^3 - 5^0) : 7]$

Bài 2 : (0,75 điểm) Tìm x biết $18 : x$ và $x > 6$

Bài 3:(1,0 điểm) Để phòng chống dịch Covid – 19, bệnh viện Quận Tân Bình đã thành lập các đội phản ứng nhanh bao gồm 24 bác sĩ đa khoa và 64 điều dưỡng viên. Hỏi có thể thành lập nhiều nhất bao nhiêu đội phản ứng nhanh, trong đó các bác sĩ và điều dưỡng viên được chia đều vào mỗi đội? Khi đó, mỗi đội có bao nhiêu bác sĩ đa khoa và điều dưỡng viên?

Bài 4 : (1,0 điểm) Cho biểu đồ cột kép xếp loại học lực hai lớp 6A và 6B



a) Số học sinh giỏi của cả hai lớp 6A và 6B là bao nhiêu học sinh?

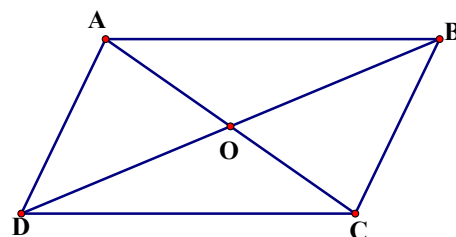
b) Số học sinh khá của lớp nào ít hơn và ít hơn bao nhiêu học sinh?

Bài 5: (0,5 điểm) Trong điều kiện thời tiết ổn định, cứ tăng độ cao 1 km so với mặt đất thì nhiệt độ không khí giảm 6°C . Một khinh khí cầu đã được phóng lên từ mặt đất vào một ngày khô ráo. Nếu nhiệt độ trên mặt đất tại nơi phóng là 18°C , thì nhiệt độ là bao nhiêu khi khinh khí cầu ở độ cao 5 km?

Bài 6: (2,0 điểm)

a) Quan sát hình bên. Em hãy mô tả về cạnh, góc và đường chéo của hình bình hành ABCD.

b) Cho $DO = 3\text{cm}$. Tính BD



Bài 7: (0,5 điểm) Chứng minh rằng:

$$A = 2^{2020} + 2^{2021} + 2^{2022} + 7^{2023} + 7^{2024} \text{ chia hết cho } 7.$$

---- HẾT ----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Phần trắc nghiệm (3 điểm)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	B	A	D	B	A	B	C	D	C	A	B

Phần tự luận (7 điểm)

Câu	Đáp án	Thang điểm
1	a) $(-32) + (-68) + 20$ $= (-100) + 20$ $= -80$	0,25 0,25
	b) $100 - 5 \cdot [(2^3 - 5^0) : 7]$ $= 100 - 5 \cdot [(8 - 1) : 7]$ $= 100 - 5 \cdot [7 : 7]$ $= 100 - 5 \cdot 1$ $= 95$	0,25 0,25 0,25
2	$18 : x$ và $x > 6$ $x \in U(18) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$ mà $x > 6$ nên $x \in \{9; 18\}$	0,5 0,25
3	Gọi x (đội) là số đội nhiều nhất có thể chia được ($x \in \mathbb{N}^*$) Theo đề bài ta có: $24 : x$; $64 : x$ và x lớn nhất $\Rightarrow x = \text{ƯCLN}(24; 64)$ $24 = 2^3 \cdot 3$ $64 = 2^6$ $x = \text{ƯCLN}(24; 64) = 2^3 = 8$ Vậy có thể chia được nhiều nhất thành 8 đội. Số bác sĩ đa khoa của mỗi đội là: $24 : 8 = 3$ (người) Số điều dưỡng viên của mỗi đội là: $64 : 8 = 8$ (người)	0,25 0,25 0,25 0,25
4	a) Số học sinh giỏi của cả hai lớp 6A và 6B là $12 + 13 = 25$ (học sinh) b) Số học sinh khá của lớp 6B ít hơn lớp 6A Số học sinh ít hơn là	0,5 0,25

	$25 - 20 = 5$ (học sinh)	0,25
5	Khi khinh khí cầu ở độ cao 5 km so với mặt đất, vậy nhiệt độ đã giảm đi là: $5 \cdot 6 = 30^{\circ}\text{C}$ Vì nhiệt độ tại mặt đất là 18°C nên nhiệt độ ở độ cao 5 km là: $18 - 30 = -12^{\circ}\text{C}$	0,25 0,25
6	a) Các cạnh đối song song và bằng nhau: AB và CD , AD và BC song song và bằng nhau; Các góc đối bằng nhau: $\widehat{A} = \widehat{C}$; $\widehat{B} = \widehat{D}$ Hai đường chéo AC và BD và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường. b) O là trung điểm của BD $\rightarrow BD = 2 BO = 2.3 = 6 \text{ cm}$	0,5 0,5 0,5
7	$A = 2^{2020} + 2^{2021} + 2^{2022} + 7^{2023} + 7^{2024}$ $A = 2^{2020} \cdot (1 + 2 + 4) + 7^{2023} + 7^{2024}$ $A = 2^{2020} \cdot 7 + 7^{2023} + 7^{2024}$ $A = 7 \cdot (2^{2020} + 7^{2022} + 7^{2023})$ Vậy A chia hết cho 7	0,25 0,25